

Chương IV

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ TÂM LÝ THƯỜNG DÙNG

Trẻ em là một cơ thể đang lớn và đang trưởng thành, quá trình phát triển về sinh lí và tâm lí luôn thay đổi theo độ tuổi. Sự phát triển này là sự thoả mãn các nhu cầu của trẻ thông qua mối quan hệ của trẻ với cha, mẹ, anh, chị, em, họ hàng và bạn bè, thầy, cô. Phần lớn trẻ em luôn thích ứng được với sự thay đổi của cuộc sống, trẻ thích nghi dần từ trong gia đình đến nhà trường, nhất là trẻ sống trong những gia đình có bố, mẹ đã đáp ứng được những nhu cầu của trẻ và có sự chuẩn bị trước cho trẻ để trẻ bước vào môi trường mới một cách thuận tiện và tự tin. Ở những trẻ không được chuẩn bị về mặt tâm lí hoặc thiếu sự quan tâm chăm sóc của cha, mẹ thì khi mới tới trường dễ bị hẫng hụt về tình cảm. Vậy việc điều trị tâm lí cho trẻ là cần thiết, giáo viên mầm non cần tạo ra niềm tin với trẻ, là chỗ dựa tinh thần giúp trẻ bộc lộ những mặc cảm của mình, nhanh chóng thích nghi với cuộc sống mới để nhân cách trẻ phát triển một cách hài hoà.

I. NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN

Giáo viên các trường mầm non hàng ngày tiếp xúc với các cháu. Đa số các cô đã có được một phần những kiến thức cơ bản về tâm lí (chương trình giảng dạy ở các trường sư phạm). Nhưng thực tế tiếp xúc hàng ngày với trẻ em, các giáo viên quan tâm nhiều đến việc dạy các môn học ở lớp mẫu giáo, ở tuổi nhà trẻ thì chú ý nhiều đến việc nuôi dưỡng. Nếu trẻ bị bệnh nặng thì

cần đưa đến các phòng khám bệnh để điều trị. Còn có những trẻ có hiện tượng như quá kích động : đánh, cắn bạn hay trầm lặng, ít muốn tiếp xúc hoặc học kém, nhận thức chậm v.v... những hiện tượng này ngay cả gia đình (cha, mẹ) cũng ít chú ý đến vì suốt ngày gửi con trong trường. Giáo viên cũng ít quan tâm đến trẻ, một phần vì lớp quá đông, một phần do không nhận thức về các hiện tượng này, thường cho đó là chuyện thường nhật của trẻ. Vì vậy, việc phát hiện ra các rối nhiễu và việc chăm, chữa được đặt ra một cách cụ thể, rõ ràng. Khi các cháu mới đến trường mầm non có những hẫng hụt về tình cảm, phải rời xa gia đình, vắng mẹ và những người thân như : ông, bà, anh, chị; trẻ phải tiếp xúc với cô, với bạn hoàn toàn mới lạ, mọi sinh hoạt đều khác xa với ở nhà : ăn theo giờ giấc, ngồi vào nơi qui định, đi vệ sinh cũng phải theo qui định; việc ngủ, chơi hay chơi gì đều do cô qui định, hướng dẫn chứ không thể tự do lấy đồ chơi ra chơi được. Nếu trẻ không chịu nghe theo có thể bị cô phạt. Khi đó trẻ thường có những phản ứng lại như : khóc, không chịu ăn, không chịu ngủ hoặc cố giữ lấy một vật gì (đôi dép, áo, tất, khăn...) hoặc xuất hiện một số rối nhiễu như : mút tay, đái dầm, ỉa dùn. Đó là những phản ứng nhất thời hay mở đầu cho một rối nhiễu bệnh lí. Đứng trước những hiện tượng đó các giáo viên trường mầm non cần phải :

- Nắm được một vốn kiến thức về tâm lí và cần có nghệ thuật trong giao tiếp ban đầu với trẻ.
- Cần có tinh thần trách nhiệm, làm hết mình, vận dụng mọi hiểu biết, khả năng hiện có để giúp đỡ trẻ.
- Phải đối xử bình đẳng với mọi trẻ, không phân biệt giàu, nghèo, tôn giáo, dân tộc.

Mối quan hệ giữa cô và trẻ là một mối quan hệ đặc biệt, ngoài tình yêu thương trìu mến là đức tính người mẹ, cô giáo còn phải có những tác động qua lại với trẻ thông qua ngôn ngữ

và những tín hiệu phi ngôn ngữ. Cô cần hiểu rõ bản thân, làm chủ được bản thân, không để những phản ứng chủ quan ảnh hưởng đến mối quan hệ với trẻ. Thông cảm với trẻ một cách khách quan, không xét đoán, không bị tình cảm chi phối. Trong tiếp xúc với trẻ, cô cần chú ý quan sát các hoạt động, thái độ, tư thế, ngôn ngữ qua những thao tác tự nhiên của trẻ. Hỏi han, chuyện trò với trẻ cũng có thể phát hiện được những mặc cảm, những ám ức của trẻ, thông qua những câu hỏi, cô giúp trẻ thấy yên tâm, tin tưởng vào giáo viên.

Ngoài việc quan sát hỏi han về hiện tại, cần phải tìm hiểu thêm về bối cảnh sinh sống, hoàn cảnh gia đình, quan hệ xã hội của trẻ như : bố, mẹ đi xa, gia đình tan vỡ hoặc bố, mẹ bị ốm đau, ông, bà mới mất v.v...

Sau khi tập hợp các loại thông tin thu được ở trẻ, cần chỉ ra toàn bộ nhân cách của trẻ về mọi mặt như : thể tạng, trí năng, tình cảm, cá tính... Tức là cô cần phân biệt rõ trẻ khoẻ hay yếu, trí tuệ phát triển tốt hay có những vấn đề cần quan tâm.

Khi chăm, chữa cho trẻ, giáo viên cần phải có mối quan hệ với gia đình trẻ, nhiều khi phải gỡ bỏ những rắc rối trong gia đình mới giúp trẻ thoát ra được mặc cảm. Nhưng với trẻ, là một cơ thể đang phát triển, cho nên ý nghĩa của một triệu chứng hay kết quả của một phương pháp chăm, chữa cần được theo dõi trong cả một quá trình lâu dài. Có khi một vài triệu chứng như : đái dầm, hung tính, nói dối chỉ là phản ứng nhất thời trong cuộc sống hằng ngày, hoặc chỉ xảy ra trong một độ tuổi nhất định.

Đối với những trẻ nhỏ, những trẻ bị chấn thương tâm lí mạnh, trong những lúc ban đầu giao tiếp cô giáo có thể chăm sóc như người mẹ : bế, ãm, ôm ấp, vuốt ve,... dần dần đi đến trò chuyện, chơi cùng với trẻ. Cô có thể thông qua nhiều hình thức giao tiếp để tác động đến tâm lí trẻ. Như vậy, việc quan sát, tìm

hiếu, hỏi han, chuyện trò với trẻ đã có tác động đến tâm lí của trẻ, phần nào có tác dụng chăm, chữa cho trẻ.

Dùng tâm dược với trẻ là điều cần hạn chế. Đa số rối nhiễu tâm lí ở trẻ ít khi thuộc những cơ cấu bệnh lí nặng mà thường biểu hiện những tâm trạng, những phản ứng với những hoàn cảnh nhất định. Nhưng nhiều khi những phản ứng ấy làm cho cuộc sống gia đình gặp khó khăn, cho nên tâm dược nhanh chóng làm giảm nhẹ các triệu chứng lo hãi, cuồng điên, mất ngủ, nhức đầu... tạo điều kiện cho các dấu hiệu bệnh lí mất dần đi trong quá trình phát triển tâm, sinh lí của trẻ. Thuốc chỉ có tác dụng hỗ trợ các nghiệm pháp tâm lí, chứ không nên lạm dụng để chữa các phản ứng của trẻ.

Vậy chữa tâm lí trẻ em thường phải dùng những phương pháp chỉnh năng, tức là vừa dạy, vừa chữa một chức năng nhất định. Dạy cho trẻ những thao tác chưa thực hiện được, uốn nắn những thao tác lệch lạc. Cần phải có chương trình cụ thể để tập luyện cho trẻ.

Trong những buổi luyện tập chỉnh năng, ngoài việc đảm bảo kĩ thuật, cần tạo ra bầu không khí dễ chịu và những mối quan hệ có tác động qua lại để tạo ra được những biến động tâm lí.

Ví như những buổi học vẽ, nhiều khi không phải học để vẽ đẹp mà qua học vẽ, trẻ diễn đạt được tâm tư thầm kín hoặc giảm bớt đi những hành động hung hăng hoặc để trẻ có ý thức sạch sẽ hơn, ngăn nắp hơn, ngoan ngoãn hơn... Khi đó, cô cũng cần phải có kĩ năng và bài bản nhất định để luyện tập chức năng vận động, cô còn cần phải khéo léo, nhịp nhàng, biết cách tăng lực cho những cơ bắp bị bệnh hay bại liệt và những cơ bắp bổ sung cần tập theo bài bản và dụng cụ cần thiết. Khi tác động lên trương lực cơ bắp, cô giúp trẻ thực hiện những động tác đơn giản hay phức tạp, tạo ra được những biến động sinh lí làm cho khí huyết lưu thông và ảnh hưởng đến tâm lí như tư duy, tình

cảm. Bất kì những rối loạn tâm lí nào cũng có rối nhiễu trong sơ đồ thân thể, cho nên phương pháp dạy, chữa tâm vận động là cần thiết đối với mọi trường hợp, tức là thông qua vận động các cơ bắp (thể dục).

Tập thở làm cho nhịp thở ổn định cũng cần thiết vì khi thở nhanh, chậm, nông, sâu cũng làm ảnh hưởng đến độ pH trong máu và nhịp thở rối loạn từ đó gây thêm lo hãi hoặc làm dịu bớt đi sự lo hãi.

Khi luyện tập cần vận dụng những hoạt động tổng hợp, vận dụng nhiều bộ phận một lúc. Có thể kết hợp vận động với la hét của trẻ. Ở những trẻ bị ức chế hay hiếu động, có được chỗ chơi, có bạn chơi, có đồ chơi, có người hướng dẫn là một trong những biện pháp chăm, chữa tâm lí hiệu nghiệm nhất. Khi chơi với bạn bè, với cô giáo, trẻ vận động nhanh nhẹn hơn, giải toả được nhiều mặc cảm, ám ức.

Đối với trẻ nhỏ, dùng "Bài học im lặng" của Montessori, cô cho các cháu ngồi vòng lại, bảo trẻ nhắm mắt và hỏi : "Em nào nghe được tiếng gì?". Khi trẻ nhắm mắt lại là đã loại trừ đến 50% kích thích từ bên ngoài, trẻ được yên tĩnh, nhiều tiếng ồn trước đó trẻ không nghe thấy thì khi đó sẽ cảm nhận được : tiếng gió thổi, tiếng chim hót... Cô giáo gọi tên rất khẽ một em nào đó, và khen trẻ khi trẻ đứng dậy, đáp lại lời cô. Lúc đó thậm chí có trẻ nghe cả được tiếng tim đập của mình. Khi trẻ nhắm mắt rồi lắng nghe được những tiếng rất khẽ từ ngoài hay từ bản thân là trẻ đã tự thư giãn.

Bố, mẹ và giáo viên thường quan tâm đến kết quả học tập của trẻ. Cán bộ tâm lí sẽ thấy rõ hơn những vấp vấp, khó khăn của trẻ do từng mỗi xung đột, tình hình căng thẳng của trẻ trong cuộc sống.

Khi giáo viên thờ ơ, vô tình, kết quả học tập của trẻ thường trở nên xấu đi, do vậy cần làm sao cho học sinh có hứng thú hơn trong việc học tập. nhận thức được sự cầu tiến, tự lập, tự chủ,

mặt khác bố, mẹ phải biết chấp nhận thực trạng của con mình, không đòi hỏi quá đáng. Nhiều khi trẻ đến trường lặp lại những ứng xử hư, quấy rối; nếu bố, mẹ, giáo viên phản ứng bực bội thì học sinh về nhà hay đến lớp sẽ đều thấy căng thẳng, thường xung đột, khó học tập tiến bộ hơn.

Khi đã đặt tình cảm và nhân cách của trẻ quan trọng không kém kiến thức, học vấn, trẻ sẽ không những nắm vững nội dung và chương trình trên lớp mà trẻ còn được thoả mãn về tâm lí. Có thể nói, chỉ cần một số biện pháp chỉnh năng cùng với thái độ thông cảm, không nôn nóng, là ta có thể giúp cho những trẻ có trí lực bình thường, vượt qua những vấp vấp ban đầu khi vào trường phổ thông.

Trong những trường hợp phức tạp, những rối nhiễu tâm lí kéo dài, hoàn cảnh sinh sống có nhiều khó khăn thì sự hợp tác giữa bố, mẹ, giáo viên, bác sĩ và cán bộ tâm lí cần tiến hành chặt chẽ và có hệ thống.

Chỉ trong trường hợp bố, mẹ hoàn toàn vô trách nhiệm hay vấp quá nhiều khó khăn mới đặt vấn đề cách li đứa trẻ khỏi gia đình, phải đưa vào những cơ sở chuyên trách. Những trẻ bị rối nhiễu nặng đòi hỏi trị liệu với nhiều phương pháp kết hợp cũng cần đưa vào viện. Ngoài ra trong trị liệu có thể dùng các biện pháp khác như : âm thị, thôi miên, tự thôi miên...

Với trẻ em, có thể chữa đái dầm, khó ngủ, ác mộng, ám sợ ban đêm,... khi dùng phương pháp kể chuyện, kể lại những truyện chúng đã xem ở sách, tranh vẽ...

II. NHỮNG HÌNH THỨC CHĂM DẠY TRẺ

1. Hình vẽ đối với trẻ

Cũng như lời nói, việc học vẽ của trẻ cũng giúp trẻ bộc lộ tâm tư, tình cảm của mình, những viễn tưởng, mơ ước, trăn trở trong cuộc sống.

Tuỳ theo từng độ tuổi mà thông qua hình vẽ, cô có thể đánh giá được sự phát triển của trí lực trẻ. Thông qua việc sử dụng màu sắc của trẻ, cô có thể nhận biết được tâm tư, tình cảm, của trẻ. Qua hình vẽ cũng giúp trẻ phần nào giải toả những mặc cảm, ám ức.

Mỗi khía cạnh trong hình vẽ đều có ý nghĩa tượng trưng nhất định:

- Với hình vẽ ngôi nhà, các chi tiết cửa chính, cửa sổ, trang trí, vườn cây, đường đi lại, hàng rào... thể hiện tình cảm của trẻ như : cởi mở hay những rối nhiễu cô đơn, rụt rè, vấp vấp, thất bại trong cuộc sống v.v...

- Với hình người, nếu các chi tiết được bố cục cân đối thì rất nhiều khả năng trẻ thích nghi tốt. Ngược lại khi trẻ vẽ các chi tiết, bố cục không phù hợp hoặc bỏ quên một chi tiết nào đó đều thể hiện được nỗi tâm tư tình cảm nhất định của trẻ.

Ngoài ra, trẻ còn vẽ thú vật, mặt trời, mặt trăng... những điều này cũng nói lên cuộc sống của trẻ như : mong muốn có gia đình êm ấm, hoặc có hình ảnh thể hiện sự lo hãi của trẻ.

Cùng với hình vẽ, nét vẽ thể hiện tính tình của trẻ như vui hay buồn, kích thích hay ức chế. Vị trí của các hình vẽ trên giấy cũng nói lên được tâm tư, tình cảm của trẻ.

2. Giao tiếp với trẻ qua ngôn ngữ

Giao tiếp là sự trao đổi giữa người với người thông qua lời nói, chữ viết, cử chỉ, điệu bộ.

Giao tiếp trong xã hội chủ yếu thông qua ngôn ngữ nói và viết. Nhờ ngôn ngữ con người có thể biểu lộ tâm tư, tình cảm một cách rất đa dạng, nhưng nó cũng là cách tốt nhất để con người che giấu, nguy trang những tâm tư thầm kín. Vì vậy, việc sử dụng ngôn ngữ nhiều khi rất khó. Đối với trẻ, cô có thể dùng

lời nói để thể hiện sự âu yếm, sự quan tâm đến trẻ. Đối với trẻ nhỏ, những lời âu yếm, giọng hát ru của cô giúp trẻ có cảm giác an toàn, dễ tiếp xúc, dễ gần cô hơn. Với trẻ lớn, cô dùng lời nói phân tích cho trẻ thấy sự phi lí của một hành vi hay một thao tác sai, một thói quen không phù hợp như : khi trẻ nói ngọng, phát âm không đúng... tức là cô đã tác động vào phần ý thức của trẻ. Hoặc cô có thể dùng hình thức kể chuyện, qua nội dung câu chuyện và nghệ thuật diễn đạt của mình, cô giúp trẻ giải toả được những ám ức, những mặc cảm với cuộc sống. Ở trẻ, ngôn ngữ cũng diễn xuất được rất nhiều mặt trong tâm tư, tình cảm như việc cho trẻ kể lại những câu chuyện cổ tích.

3. Chơi với trẻ

Ngoài ngôn ngữ, tâm tư của trẻ còn biểu lộ qua sự giao tiếp phi ngôn ngữ như thể hiện qua nét mặt, qua điệu bộ, giọng nói... khi trẻ vui chơi. Tiếng la khóc là để giải toả những cảm giác đau khổ.

Đối với trẻ nhỏ, sự giao tiếp giữa mẹ và con là sự nô đùa, bế ẵm, vuốt ve qua trương lực cơ bắp, qua việc vận động mắt, trẻ đã có được sự an toàn : mỗi khi trẻ sợ hãi, la khóc thì lúc đó trẻ cần có sự âu yếm, vuốt ve, ôm ấp của mẹ. Một bộ phận quan trọng của trẻ ở giai đoạn này là môi, miệng, đó là nơi rất nhạy cảm trong giao tiếp. Ở trẻ mới đến trường mầm non, phải xa mẹ, đến một nơi hoàn toàn xa lạ, phải tiếp xúc với cô, với bạn là những người chưa quen biết, trẻ thường bị hẫng hụt, ám ức gây ra những cơn giận dữ, la khóc, đi tìm những khoái cảm qua môi miệng như : mút tay, hoặc mút các đồ vật, đồ chơi, hoặc tìm sự an toàn qua các đồ dùng, đồ chơi từ nhà mang đến như : cái mũ, áo, ô tô, đôi dép, túi v.v... Đó là những trẻ cần được cô giáo quan tâm trong mọi sinh hoạt như : khi ăn, ngủ... Nhất là khi chơi, cô nên nhẹ nhàng dẫn dắt, giúp trẻ có cảm giác an toàn, dần dần tháo gỡ những mặc cảm, những ám ức của trẻ.

Trong khi chơi cô có thể dùng lời nói hoặc cử chỉ hành động để giao tiếp giữa cô và trẻ hoặc giữa các trẻ với nhau. Những tín hiệu phát ra bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ có khi ăn khớp với nhau, nhưng cũng có khi mâu thuẫn. Nhưng tất cả đều giúp trẻ bộc lộ được mọi ám ức, tháo gỡ những vướng mắc về tư tưởng nhận thức và về cảm xúc, tình cảm, nhanh chóng giúp trẻ hoà nhập vào cuộc sống.

4. Hình thức tâm kịch

Tâm kịch là phương pháp cho trẻ biểu diễn, diễn xuất như trên sân khấu những nỗi tâm tư thâm kín, kết hợp cả lời nói và điệu bộ với những vận động cơ thể. Lời nói không chỉ có nội dung mà bao gồm cách nói, cách phát âm, la hét hoặc ngấp ngừng, thốn thức, lặp đi, lặp lại. Đôi khi lời nói đi đôi với nét mặt vui, buồn, điệu bộ lả lướt hay cứng đờ, cùng với tư thế vận động của những bộ phận khác trong cơ thể, giải toả những mặc cảm, ám ức một cách triệt để hơn. Trong tâm kịch cần tạo ra khung cảnh với một số trẻ tham gia giống như một nhà hát kịch nhỏ, với sự đạo diễn của cô. Những người tham gia tự biên, tự diễn lại một số cảnh giống như sân khấu kịch, mọi người sẽ biểu lộ hết tâm tư của mình. Với trẻ em, có thể vận dụng trò chơi nhập vai trong gia đình, lớp học giữa trẻ em với người lớn, giữa trẻ em với nhau. Tâm kịch không chỉ giúp cho trẻ em tiến bộ, vượt qua được những mặc cảm mà còn giúp cho bố, mẹ, cô hiểu mình hơn và trẻ biết làm chủ bản thân.

Trong gia đình, ông, bà, bố, mẹ có thể cùng chơi với trẻ, có thể đóng xong vai này lại chuyển sang vai khác hoặc đổi vai cho nhau như : bố, mẹ đóng vai con, cô giáo đóng vai học sinh, và ngược lại. Cần có vai chính và vai phụ trong các vở kịch, vai phụ làm cho vai chính nổi lên. Kịch có thể độc thoại, cho trẻ một mình đi lại, diễn xuất, tự nói lên cảm nghĩ của mình. Với những

trẻ bị ức chế, cho một trẻ khác đứng diễn những cách ứng xử của trẻ, gây ra những phản ứng của trẻ. Cũng có thể cho trẻ diễn những hư giác hoang tưởng, mơ ước, dự đoán tương lai của mình. Tất cả đều thông qua vận động trong cơ thể : nét mặt , tư thế, điệu bộ, cách phát âm. Có khi thực hiện cá nhân, có khi thực hiện theo nhóm hay theo gia đình. Tất cả đều để tháo gỡ những vướng mắc trong trẻ : tháo gỡ những vướng mắc về tư tưởng, nhận thức, cảm xúc...

Mục tiêu cuối cùng là tạo cho trẻ sự thoải mái trong quan hệ, thoải mái với bản thân, tháo gỡ những vướng mắc, nếp cũ, giúp trẻ có khả năng tạo ra hình thức ứng xử mới, làm chủ được bản thân.

5. Âm thị

Là tạo ra tâm trạng đặc biệt, tăng cường sự tin tưởng của trẻ vào khả năng đã có của người làm âm thị, làm tâm trí trẻ bị động, lệ thuộc. Làm âm thị, là làm cho cơ thể và tâm lí trẻ dịu dần đi và được thư giãn phần nào, trẻ thiu thiu ngủ, làm giảm nhẹ hoặc xoá bỏ sự căng thẳng, để trẻ dễ chấp nhận các ý nghĩ được gợi ra. Có thể kết hợp với những việc bảo trẻ tập trung vào một sự vật nào đó như ánh sáng hoặc lắng nghe một tiếng động nhỏ đơn điệu lặp đi, lặp lại. Âm thị chủ yếu là làm cho biến mất những điều tin sai lầm. Ví dụ : một người cứ đinh ninh rằng chân mình bị liệt nên không đi được, âm thị là làm cho người đó không còn tin như vậy rồi có thể đứng lên đi được. Âm thị không phải là sự áp đặt một cảm nghĩ từ ngoài vào, mà khuấy động và giải toả một tiềm năng có sẵn. Mục tiêu của âm thị là loại bỏ được những điều tự ám thị của bệnh nhân mang tính bệnh lí, rồi tạo nên cảm xúc tích cực, phá vỡ mối liên kết mang tính bệnh lí giữa những cảm xúc tiêu cực và những sự vật thường gây ra bệnh chứng. Âm thị không làm cho bệnh hết mà chỉ tạm

thời khởi sau lại tái phát. Nhưng nó có tác dụng trong những trường hợp nhẹ, liên quan đến một số vấp vấp trong cuộc sống hằng ngày, trẻ tìm được chỗ dựa, ghi lại lòng tự tin, giảm bớt căng thẳng rồi sau đó tự mình vượt qua. Âm thị dễ tác động lên trẻ em khi thiu thiu ngủ, lúc ấy cô nên biết nhỏ nhẹ, gọi lên những cảm nghĩ tích cực hơn là cấm đoán. Đối với một trẻ dai dăm vừa có ý nghĩ muốn trở lại như khi còn nhỏ, vừa cảm thấy xấu hổ, âm thị cần khuấy động mặt tích cực như nhẹ nhàng nhắc trẻ thức dậy đi tiểu chứ không nên bảo cấm trẻ dai dăm.

6. Thư giãn

Thư giãn là sự làm thư thái, thanh thản tâm hồn, điều hoà tốt các hoạt động của cơ thể như : nhịp thở, mạch đập, trương lực cơ.

Hình thức này sử dụng được với trẻ lớn.

- Mục đích của thư giãn : là tìm cách tác động lên tâm lí song song với những thao tác thân thể, tự phát hiện và tự điều chỉnh các bất thường của mình. Đó là một hoạt động âm thị, một quá trình chủ động, tích cực để giải quyết một số bệnh tâm lí thể như : cao huyết áp, loét dạ dày, hen, đau đầu, lo hãi, ám sợ, dai dăm... để con người có một cuộc sống khoẻ mạnh, làm việc và học tập có hiệu suất cao.

- Nội dung của thư giãn :

+ Làm chủ nhịp thở bụng : thở êm, chậm, sâu, đều, chậm chừng nào tốt chừng ấy. Giữa tâm tư và hơi thở có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau, nhịp thở đều, êm ả thì tâm tư yên tĩnh, kết hợp với nhắm mắt thì giảm đi rất nhiều những kích thích từ bên ngoài.

+ Mềm cơ : khi cơ bắp giãn mềm ra, trương lực hạ thấp thì thần kinh được thư thái.

+ Thư thái về tâm lí : luyện ý định tâm đã được chú trọng trong thư giãn. Khi nhịp thở đều đặn, chậm rãi thì đại bộ phận cơ bắp đều giãn mềm ra, đặc biệt là các cơ ở mặt, bàn tay, kết hợp với nhắm mắt, giảm đi rất nhiều kích thích từ bên ngoài là con người ở vào trạng thái tĩnh. Ở trẻ lớn có thể tập thư giãn như người lớn.

Đối với trẻ tuổi mầm non, tùy theo độ tuổi sự phát triển tâm vận động khác nhau mà có những hình thức thư giãn cho phù hợp. Ví dụ như : ở trường, cô cho các cháu ngồi theo nhóm, bảo các cháu nhắm mắt lại, yêu cầu hãy lắng nghe tiếng gọi nhỏ tên mình hay tiếng động nhỏ từ môi trường xung quanh (tiếng chim, tiếng lá rơi, tiếng gió thổi...). Như vậy, để loại bỏ được nhiều kích thích từ bên ngoài, giúp cho trẻ tập trung chú ý hơn.

Trong việc tập luyện này, vai trò của người điều khiển bằng lời nói, nói lên những hiệu lệnh từng khâu một, là cần thiết. Khi có mặt của người thầy và khi cầm tay kiểm tra, điều chỉnh một bộ phận nào khác trong cơ thể trẻ, đối với những trường hợp rối nhiễu tâm tư thì sự tiếp xúc này tác động sâu sắc đến tâm lí. Hoặc trong những buổi tập luyện tập, những trò chơi có sự tiếp xúc trực tiếp dẫn đến những mối quan hệ mới giữa những con người với nhau, nó đem lại niềm tin và cảm giác an toàn cho trẻ.

7. Tập luyện chỉnh năng vận động

Chỉnh năng là phương pháp điều chỉnh lại những chức năng phát triển không bình thường như : chỉnh âm khi phát âm không chuẩn, chỉnh thị khi mắt bị rối loạn.

Chỉnh năng vận động là điều chỉnh lại chức năng vận động không bình thường của trẻ. Ở trẻ nhỏ, trong rối loạn tương tác mẹ, con thường có những biểu hiện tăng hoặc giảm trương lực, những tiếng kêu khóc, những vận động hỗn độn biểu hiện một sự không an toàn.

Ở trẻ lớn có những vận động không đồng nhất, thường là vụng về trong các động tác, vận động khó khăn trong các tư thế đi, đứng, ngồi hoặc những vận động bất thường ở các nhóm cơ như trong Tic. Đôi khi có những trẻ bị liệt chi hay thân mình... Những rối loạn vận động thường kèm theo những rối loạn về ngôn ngữ như : chậm hiểu, chậm nói, đọc kém, viết kém... Từ đó khiến cho trẻ gặp nhiều khó khăn trong học tập, trong sinh hoạt và trong giao tiếp. Với các bậc cha, mẹ, các cô giáo ở trường thường xuyên quan sát tìm hiểu những sai lệch của trẻ để có những biện pháp điều chỉnh cho thích hợp.

Với trẻ nhỏ khi có những vận động hỗn độn, tăng trương lực cơ (cứng, vụng người) hoặc la hét, cần có động tác vuốt ve, âu yếm, lời nói êm dịu để trẻ thấy được sự an toàn. Ở trẻ lớn, dùng những hình thức thư giãn, luyện tập những động tác thể dục, xoa bóp, vuốt ve hoặc lời nói. Cần có những cử chỉ âu yếm, dẫn dắt, tập cho trẻ một cách kiên nhẫn, thực hiện những thao tác đơn giản như : cài khuy áo, đi dép đúng chân, gấp mở đồ chơi v.v... Trong giờ học tập, cô cần kiên nhẫn giúp trẻ tập viết, tập đọc, tập phát âm cho chuẩn. Phải có phương pháp, có sự kiên trì và sáng tạo mới giúp trẻ tháo gỡ được những rối nhiễu phức tạp.

Chương V

MỘT SỐ TRẮC NGHIỆM TÂM LÝ THƯỜNG DÙNG

I. ĐẠI CƯƠNG

Trắc nghiệm hay Test là một hệ thống biện pháp thực nghiệm để quan sát đối tượng, đã được chẩn đoán về kĩ thuật, được quy định về nội dung và cách làm. Test nhằm đánh giá ứng xử và kết quả hoạt động của một người hay một nhóm người, nhằm cung cấp một chỉ báo về tâm lí (trí lực, cảm xúc, năng lực, nét nhân cách). Trên cơ sở đó, đối chiếu với một thang đo được chuẩn hoá hoặc với một hệ thống phân loại trên những nhóm mẫu khác nhau về phương diện xã hội.

Một test chính quy có những tiêu chuẩn sau :

- Phải đảm bảo tính khách quan, những phương pháp khách quan không thể thay thế được trực quan sáng tạo. Không phụ thuộc vào tính chủ quan của người làm Test.

- Có tính sai biệt, tách rõ những đặc tính khách quan.

- Tính ứng nghiệm, thực sự đánh giá được đặc điểm cần khảo sát.

- Tính thuận tiện, dễ áp dụng.

Test được dùng để đánh giá một cá nhân, đặc biệt là khả năng học tập của học sinh, phát hiện trẻ thiếu năng để chẩn đoán năng khiếu, đánh giá nhân cách, đánh giá tình hình sức khoẻ, tâm trí của một tập thể.

Test chỉ là một chỉ báo, không nên tuyệt đối hoá giá trị của nó, cần kết hợp với nhiều điều kiện khác để kết luận về đặc tính của một con người, không nên quá lạm dụng dựa vào một lần kết quả của làm Test mà kết luận cho một đứa trẻ có đặc tính không bình thường, không thể học tập như những trẻ khác. Nhưng nếu sử dụng test một cách hợp lí, thận trọng và có khoa học thì nó cũng cung cấp cho người làm tâm lí những chỉ báo có giá trị.

II. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH MỘT TRẮC NGHIỆM

1. Yêu cầu và điều kiện

- Người làm trắc nghiệm phải có đủ khả năng chuyên môn về trắc nghiệm sẽ được sử dụng.

- Quy trình tiến hành phải được tổ chức trước thao tác một chương trình nhất định.

- Vật liệu trắc nghiệm phải được chuẩn bị sẵn.

- Một phòng yên tĩnh có đủ điều kiện về ánh sáng, không tối, không chói mắt, không có tiếng ồn bên ngoài. Nhiệt độ không quá nóng, không quá lạnh. Phòng sạch sẽ, đơn giản, màu tường dịu, nhạt.

- Quan hệ giữa người làm trắc nghiệm với đối tượng phải thoải mái, không có gì đặc biệt về hình thức quần áo để trẻ phải chú ý.

- Thời gian làm trắc nghiệm phải đầy đủ, không được vội vàng.

- Đối tượng được ngồi trên ghế, bàn vừa tầm, thoải mái, đủ phương tiện để làm trắc nghiệm.

- Trước khi tiến hành trắc nghiệm, các vật liệu phải được cất giữ, không thể để đối tượng nhìn thấy, nên sắp xếp trong một hộp kín, để ở nơi thuận tiện cho việc lấy ra khi cần.

Để tăng phần chính xác trong khi làm trắc nghiệm, người làm trắc nghiệm có thể đặt câu hỏi thêm, động viên cho trẻ trả lời, chứ không động viên nâng cao chất lượng câu trả lời và không đưa ra định hướng gì, hoặc không biến câu hỏi thành sự chất vấn đối tượng. Khi đối tượng có nhiều câu trả lời được thì lựa vào câu trả lời hay nhất. Khi không trả lời được thì nên có một câu khuyến khích để giữ mối quan hệ tốt.

2. Thái độ của người làm trắc nghiệm

Phải rộng lượng, không thân mật quá đáng, phải tạo được những điều kiện thuận lợi cho sự thành công của đối tượng. Nhân cách của người làm trắc nghiệm sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc tiến hành và kết quả của trắc nghiệm. Nhân cách không quá cứng nhắc, khô khan, vì tất cả đều làm rối loạn tâm lí của đối tượng.

Trắc nghiệm viên chỉ nên tiếp xúc một mình với đối tượng, không nên có người khác cùng tham gia, hoặc có mặt người khác chứng kiến việc tiến hành trắc nghiệm.

III. MỘT SỐ TEST THƯỜNG DÙNG CHO TRẺ NHỎ

Có nhiều loại Test khác nhau để đánh giá trí lực và tình hình nhân cách của trẻ em. Trong phần này chúng tôi soạn một số Test thông dụng dùng cho trẻ nhỏ từ 0 đến 6 tuổi là chính. Do điều kiện không cho phép, chúng tôi chỉ biên soạn tóm tắt một số Test thông dụng.

1. Test Denver (Denver development screening test)

Dùng để đánh giá phát triển của trẻ em từ giai đoạn sơ sinh đến 6 tuổi, gồm 105 item (tiết mục) xếp theo trình tự để trẻ lần lượt thực hiện, và phân chia trên phiếu kiểm tra theo bốn khu vực : vận động, thích ứng, ngôn ngữ và quan hệ cá nhân.

Có 31 item kiểm tra vận động thô sơ : ngồi, lẫy, biết đi, đá bóng v.v... Có 21 item kiểm tra ngôn ngữ, khả năng nghe hiểu và nói, thực hiện mệnh lệnh, gọi bố, mẹ, chỉ vài bộ phận trên cơ thể, phân biệt màu sắc v.v... Có 30 item về vận động tinh tế, khả năng phối hợp mắt nhìn và bàn tay, sử dụng bàn tay để vận động các đồ vật và hình vẽ. Về quan hệ cá nhân – xã hội có 23 item về khả năng tiếp xúc với người xung quanh và biết tự chăm sóc : chơi ú tím, vẫy tay, tự xúc thức ăn, mặc quần áo, rửa và lau tay, chơi với trẻ khác...

Dụng cụ đơn giản, không đòi hỏi trắc nghiệm viên có trình độ cao, có thể áp dụng rộng rãi nhưng đủ chính xác để phát hiện sớm những trẻ em có trạng thái chậm phát triển và trưởng thành.

Test Denver đã được Việt Nam hoá để phù hợp với trình độ kinh tế, xã hội và với trẻ em ở các lứa tuổi khác nhau tại các vườn trẻ, trường mẫu giáo và cho phép rút ra những số liệu thiết thực và những kết luận cụ thể về giá trị của phương pháp chẩn đoán này.

2. Test Binet – Simon

Do hai nhà tâm lí học người Pháp là Binet và Simon đề xuất, lúc đầu để phát hiện những trẻ em không được học ở tiểu học và để vận dụng những phương pháp giáo dục đối với trẻ này. Test gồm một số câu hỏi và tình huống đặc biệt đòi hỏi trẻ phải giải đáp, nhằm đánh giá trí khôn một cách tổng hợp, thông qua khả năng nhìn nhận sự việc, suy luận, giải đáp cho một vài

tình huống thực tế. Test đã được xây dựng từ kinh nghiệm quan sát và theo dõi học tập rồi kiểm tra trên hàng nghìn trẻ, xây dựng cho mỗi lứa tuổi một phép thử gồm 6 item, trí khôn càng phát triển thì có thể giải đáp những phép thử càng khó. Ví dụ biết chỉ mắt, mũi, miệng, biết mình là trai hay gái, biết bên phải, bên trái v.v...

Thực hiện được trên 50% công việc của tuổi tương ứng gồm bộ 6 item tương đương với một tuổi nhất định gọi là tuổi khôn, có khi tuổi thực không ăn khớp với tuổi khôn. Ví dụ : trẻ 6 tuổi chỉ trả lời được những item tương đương với 4 tuổi. Vậy, ta có thể tính chỉ số khôn theo công thức :

$$\text{Chỉ số phát triển tâm thần} = \frac{\text{Tuổi khôn}}{\text{Tuổi thực}} \times 100\%$$

Chỉ số khôn để đánh giá một em bé đã phát triển trí khôn đến mức nào, theo Terman có thể xếp theo thứ tự sau :

Chỉ số phát triển tâm thần:

- + 120% trở lên : xuất sắc, thiên tài.
- + 79 – 80% : bình thường.
- + 50 – 70% : chậm khôn nhẹ.
- + 30 – 50% : chậm khôn vừa.
- + 20 – 30% : chậm khôn nặng.
- + 0 – 20% : chậm khôn rất nặng.

3. Thang Brunet – Lezine

Nhằm xác định chủ yếu tâm lí vận động cho trẻ từ 1 đến 24 tháng và từ 2 đến 6 tuổi, gồm một số item để khám nghiệm :

- Tư thế và vận động.
- Phối hợp mắt và vận động (vận dụng các đồ vật).
- Ngôn ngữ.

- Quan hệ xã hội.

Gồm 19 bậc : 1, 2, 3... 10; 12, 15, 18... 30 tháng; 4, 5, 6 tuổi.
Mỗi tuổi có 6 item và 4 câu hỏi bố mẹ trả lời.

Ví dụ : với trẻ tháng thứ nhất :

Nằm sấp, biết bò.

Nghe tiếng chuông, giật mình hoặc lặng đi.

Đưa mắt nhìn theo một vật chuyển động 90 độ.

Phản xạ nắm chặt ngón tay người khác.

Ngừng khóc khi có người đến gần hoặc trò chuyện với trẻ.

Phản ứng mút trước khi đưa vú vào miệng.

Sau 3 tuổi, có thể dùng Test Binet – Simon vì có những item tương đương.

Từ khám nghiệm rút ra chỉ số phát triển, giúp đánh giá mức khôn lớn của trẻ.

4. Hình vẽ của trẻ em

Qua hình vẽ ta có thể có thể đánh giá được trí lực và tình cảm của trẻ. Có thể cho trẻ vẽ tự do hay vẽ theo chỉ định.

Cách vẽ tiến triển theo sự phát triển trí lực của độ tuổi.

Từ năm thứ hai, trẻ có thể cầm bút vẽ những đường nguyệt ngoạc nhưng chưa thành hình. Từ 3 đến 6 tuổi trẻ vẽ theo ý nghĩ, trên 6 tuổi trẻ có thể vẽ theo thực tế mắt nhìn.

Hình người lúc đầu chỉ là vòng tròn có hai que ở dưới (ch dưới) hay hình "nòng nọc". Trẻ lớn dần sẽ bổ sung thêm chi tiết đến khi 6 tuổi, trẻ vẽ hình người có đủ các bộ phận. Hình người được vẽ thể hiện sơ đồ thân thể, vì vậy trẻ thích vẽ bản thân.

Ngoài vẽ hình người, trẻ còn vẽ nhà cửa, cây cối, trẻ vẽ hình ngôi nhà với đủ các chi tiết hoặc vẽ cây – cây tượng trưng cho con người đứng thẳng, tượng trưng cho sự lớn lên, sinh sôi nảy

nở, tượng trưng cho sức mạnh. Tuỳ theo lứa tuổi các em vẽ những cây khác nhau. Vị trí của cây trên trang giấy cũng nói lên tâm tư, tình cảm của trẻ, phía trên trang giấy là biểu hiện sự tiếp xúc với bên ngoài, phát triển trí khôn. Phần dưới nói nên bản năng và tình cảm, phía bên trái biểu hiện tính hướng nội, vị kỷ, bám lấy mẹ, phía bên phải là tính hướng ngoại, năng động, quan tâm đến người khác, gắn bó với bố.

Thú vật cũng được trẻ dùng để biểu hiện những mối tâm tư, tình cảm sâu sắc. Ngoài ra, trẻ còn vẽ hình mặt trời, mặt trăng, các vì sao...

Thông qua các hình ảnh, tranh vẽ của trẻ mà trẻ có thể bộc lộ tâm tư của mình : những mơ ước, hoài bão, hoặc những lo âu, trăn trở khi có sự "mắc kẹt" về tình cảm, các hình vẽ thường thoái lui về giai đoạn trước.

Tuy nhiên đánh giá trí lực thông qua hình vẽ khó hơn nhiều so với dùng Test với lời nói và chữ viết, vì vậy không nên vội vàng kết luận khi chỉ thông qua hình vẽ mà chưa hiểu rõ tâm tư và hoàn cảnh của trẻ.

Màu sắc và độ đậm nhạt về ánh sáng trong hình vẽ như thế nào cũng bộc lộ tâm tư nhất định của trẻ, màu đỏ thường đi với tính hung bạo, màu vàng – tính rộng lượng, màu xanh lá cây – sự hoài vọng, xanh da trời – tính trung thực. Ngoài việc thể hiện tâm tư của trẻ, hình vẽ còn có thể giải toả những vướng mắc, những mặc cảm của trẻ.

Tóm lại, hình vẽ cung cấp nhiều thông tin về tâm lí trẻ em. Nhưng rất khó vận dụng, không thể máy móc lấy một chi tiết hay chỉ báo nào rồi kết luận về tình trạng tâm lí của trẻ, mà phải quan sát theo dõi nhiều mặt, nhiều lần đối với nhiều thông tin khác nhau mới có thể kết luận được về một con người.

PHỤ LỤC - TEST DENVER

. TRANG BỊ VẬT DỤNG

Cần có một bộ dụng cụ riêng gồm :

1 – Một ít len màu đỏ.

2 – Một ít nho khô.

3 – Tám quả lúc lắc có cán nhỏ.

4 – Tám khối vuông, có cạnh chừng 2,2 cm với bốn màu khác nhau (đỏ, vàng, lục, lam), mỗi màu sơn cho hai khối.

5 – Một lọ nhỏ bằng thủy tinh tròn, đường kính miệng lọ khoảng 1,5 cm.

6 – Một chuông nhỏ.

7 – Một quả bóng quần vợt.

8 – Một bút chì.

Ngoài ra còn cần tới một phiếu mẫu kiểm tra trên đó đã in sẵn biểu đồ các tiết mục sẽ thực hiện theo từng lứa tuổi.

Ghi chú :

- Trường hợp không có nho khô, có thể thay thế bằng hạt lạc luộc nhỏ hoặc hạt ngô bung, thuốc đa sinh tố, hay miếng nút nhỏ.

- Các khối vuông có thể tiện bằng gỗ, hoặc làm bằng nhựa, có màu sơn cần phủ kín cả sáu mặt.

- Không được dùng quả bóng bàn thay cho bóng quần vợt.

- Nên in sẵn một tập phiếu mẫu để tiện dùng nhiều lần khác, các phiếu đó phải in theo đúng kích thước đã quy định trong nguyên bản của Test Denver (xem phiếu mẫu).

II. PHIẾU KIỂM TRA

Test Denver gồm 105 tiết mục (item). Các tiết mục đó được sắp xếp trên phiếu kiểm tra theo bốn khu vực từ trên xuống dưới :

- Cá nhân – xã hội.
- Vận động tinh tế – thích ứng.
- Ngôn ngữ.
- Vận động thô sơ.

Ở phần rìa phía trên cùng và dưới cùng của phiếu kiểm tra là thang tuổi, tính theo tháng, từ 1 đến 24 tháng và tính theo năm từ 2,5 đến 6 tuổi.

Từng tiết mục của Test đều được biểu thị trên phiếu kiểm tra bằng hình kẻ một ô thước chữ nhật. Mỗi ô thước đo được xếp đặt ở vị trí tương ứng với thang tuổi và phản ánh thời điểm nào (25%, 50%, 75%, 90%) thì các trẻ bình thường có thể thực hiện được tiết mục đó. Ví dụ : đối với tiết mục đi vững, đầu phía trái ô thước cho biết 25% trẻ bình thường đi được vững lúc hơn 1 tháng, vạch phía cạnh trên ô thước cho biết 50% trẻ đi vững lúc 12 tháng, vạch giữa ô thước cho biết 75% trẻ đi vững lúc 13 tháng và đầu phía phải của ô thước cho biết 90% trẻ bình thường đi được lúc 12 tháng. Các tiết mục khác trong Test cũng đều được trình bày trên phiếu kiểm tra như vậy.

III. CÁCH TIẾN HÀNH

Mục tiêu chính của Test là xem trẻ thực hiện các tiết mục kiểm tra ra sao, cho nên tốt nhất là nhìn xem thực tế trẻ có thể làm được gì hơn là chỉ hỏi qua cha, mẹ trẻ. Tuy nhiên, có một số tiết mục vẫn có thể tiến hành thông qua lời kể của cha, mẹ.

Trẻ có thể ngồi trong lòng cha, mẹ, hoặc ngồi một mình trên ghế sát bàn kiểm tra, sao cho tay dễ với lấy các đồ vật dụng cụ trước mặt.

Trước khi tiến hành trắc nghiệm Test, có thể để cho trẻ chơi với một vài thứ trong bộ dụng cụ, nhưng khi chính thức bắt đầu kiểm tra cần cất đi chỗ khác, chỉ để lại trên bàn trước mặt trẻ dụng cụ cần thiết. Như vậy trẻ có thể tập trung, quan tâm chú ý tốt trong lúc kiểm tra.

Một điều cần lưu ý là phải tạo được sự quan tâm thoải mái cho các cháu khi bước vào kiểm tra cũng như sự bình tĩnh tin cậy của cha, mẹ. Chính điều này sẽ góp phần cho việc tiến hành trắc nghiệm Test thu được kết quả tốt. Gặp trường hợp có bậc phụ huynh nào tỏ ra băn khoăn, lo lắng vì thấy con em mình không thực hiện được một tiết mục nào đó, người giám sát nên giải thích cho cha, mẹ các cháu được biết đây không phải là cách thử trí thông minh mà chỉ là cách thăm dò xem trẻ phát triển được tới mức độ nào mà thôi.

Trình tự trắc nghiệm tiến hành như sau :

Bước 1 : Tính tuổi của trẻ.

Biết được ngày sinh của trẻ, ta sẽ lấy ngày tháng lúc kiểm tra trừ đi ngày sinh đó, ví dụ :

- Trường hợp một :

	Năm	Tháng	Ngày
Ngày kiểm tra	(19)89	7	15
Ngày sinh của trẻ	(18)87	3	10
	2	4	5

Như vậy tuổi của cháu này là 2 năm, 4 tháng, 5 ngày.

- Trường hợp 2 :

	Năm	Tháng	Ngày
Ngày kiểm tra	(19)89	7	15
Tức là	(19)88	18	45
Ngày sinh của trẻ	(19)87	10	28
	1	8	17

Như vậy tuổi của cháu này là 1 năm, 8 tháng, 17 ngày.

Bước 2 : Kẻ đường tuổi (xem phiếu mẫu).

Căn cứ vào tuổi vừa tính được ta sẽ kẻ một đường thẳng qua tất cả 4 khu vực của phiếu kiểm tra bằng cách nối điểm tương ứng ở thang tuổi in sẵn ở rìa phía trên và rìa phía dưới của phiếu. Đường kẻ này cần tương đối chính xác, vì việc diễn giải kết quả của Test phụ thuộc vào đường tuổi, do đó phải ghi rõ ngày sinh của trẻ và ngày tiến hành kiểm tra vào phiếu kiểm tra. Riêng ngày kiểm tra sẽ được ghi vào vị trí của đường tuổi ở phía trên của phiếu.

Trường hợp trẻ được sinh ra sớm trước 2 tuần tuổi hoặc hơn nữa ta sẽ kẻ đường tuổi ở vị trí tương ứng với "số tuổi trừ đi số tuổi đẻ sớm trước kì hạn" và cũng ghi chú vào phía trên của phiếu cạnh đường tuổi : chẳng hạn "thêm 2 tuần".

Bước 3 : Giao tiết mục kiểm tra.

Nên theo thứ tự đã in sẵn trong phiếu kiểm tra : bắt đầu từ khu vực cá nhân – xã hội rồi sang khu vực vận động tinh tế – thích ứng, tiếp theo là ngôn ngữ và sau cùng là vận động thô sơ.

Số tiết mục cần kiểm tra thay đổi tùy theo lứa tuổi được kiểm tra. Trên nguyên tắc mỗi tiết mục có đường tuổi đi qua đều phải được thực hiện sao cho mỗi khu vực có ít nhất 3 tiết mục trẻ làm được và 3 tiết mục trẻ không làm được.

Nên tiến hành trắc nghiệm với các tiết mục dưới độ tuổi của trẻ (phía bên trái của đường tuổi) rồi tiếp nối các tiết mục khác trong cùng khu vực đúng với độ tuổi và các tiết mục khác cao hơn độ tuổi (phía bên phải của đường tuổi) cho tới khi thấy trong khu vực đang kiểm tra đã có 3 tiết mục trẻ không làm được.

Đối với mỗi tiết mục trẻ không làm được, ta cho phép trẻ thử làm lại không quá 3 lần.

Bước 4 : Cho điểm từng tiết mục.

Ghi điểm cho từng tiết mục vào ô thước của tiết mục, với các kí hiệu như sau :

- Ghi chữ Đ, nếu làm được đúng.

- Ghi chữ S, nếu làm sai hoặc không làm được.

- Ghi chữ K, nếu trẻ không muốn làm, hoặc trường hợp không có điều kiện kiểm tra tiết mục đó. Ví dụ : không có xe đạp vừa cỡ cho trẻ...

Gặp trường hợp trẻ không chịu thực hiện một tiết mục nào đó, ta nên hướng dẫn cho cha, mẹ của cháu cách tiến hành để cha, mẹ của cháu sẽ bảo cháu làm. Nhưng nếu cháu vẫn không chịu làm thì mới ghi chữ K vào tiết mục kiểm tra đó. Chỉ nên ghi K mà không nên ghi S, nếu người giám sát cảm thấy trẻ có thể thực hiện được tiết mục (căn cứ vào nhận xét theo dõi trước đó của gia đình) nhưng cháu đã không làm trước mặt người giám sát lúc đó mà thôi.

Bước 5 : Đánh giá chậm phát triển.

Nếu tiết mục nào trẻ làm sai hoặc không làm được ở vào vị trí hoàn toàn thuộc phía bên trái của đường tuổi đó là một biểu hiện của chậm phát triển. Như vậy, có nghĩa là trẻ đã không thực hiện nổi một tiết mục khi 90% trẻ bình thường có thể làm được vào một độ tuổi thấp hơn.

Trên phiếu kiểm tra ta sẽ đánh dấu bằng cách kẻ chì mầu vào phía phải của ô thước ghi tiết mục đó.

Trường hợp tiết mục làm sai hoặc không làm được, có đường tuổi ngang qua hoặc ở tiết mục đó nằm ở phía bên phải của đường tuổi thì cũng không được coi là chậm phát triển.

IV. NHẬN ĐỊNH KẾT QUẢ

Kết quả của Test được nhận định theo các tiêu chuẩn như sau :

1. Không bình thường

- Ở hai khu vực, mỗi nơi có ít nhất hai biểu hiện chậm phát triển.

- Ở một khu vực có ít nhất hai biểu hiện chậm phát triển và ở một khu vực khác có một biểu hiện chậm phát triển, tại khu vực có một biểu hiện chậm phát triển này tuy có một tiết mục làm được nhưng lại ở vị trí hoàn toàn thuộc phía bên trái của đường tuổi.

2. Khả nghi

- Ở một khu vực có ít nhất hai biểu hiện chậm phát triển.

- Tại một hoặc nhiều khu vực, mỗi nơi có một biểu hiện chậm phát triển và ngay trong khu vực đó tuy có một tiết mục làm được, nhưng tiết mục đó lại nằm ở vị trí hoàn toàn thuộc phía bên trái của đường tuổi.

3. Bình thường

Việc thực hiện nghiệm pháp không thấy có biểu hiện gì khả nghi hoặc không bình thường. Ví dụ : trường hợp sau đây có thể nhận định là bình thường trong khu vực cá nhân – xã hội có một biểu hiện chậm phát triển, một tiết mục làm được ở phía bên trái của đường tuổi và một tiết mục khác cũng làm được nhưng lại có đường tuổi đi ngang qua, trong khu vực vận động tinh tế – thích ứng và vận động thô sơ tuy có các tiết mục làm được nằm phía bên trái của đường tuổi, nhưng lại không có biểu hiện chậm phát triển nào khác.

7. GHI CHÚ

- Người giám sát cần ghi ngày kiểm tra và các nhận xét chác vào mặt sau của phiếu kiểm tra. Các nhận xét này bao gồm : tóm tắt quá trình ra đời và phát triển của trẻ, quan hệ mẹ, con, biểu hiện chung về tác phong, tính tình cũng như phản ứng của trẻ trong lúc tiến hành nghiệm pháp kiểm tra...

- Nếu muốn kiểm tra lại trên cùng một phiếu kiểm tra thì nên dùng bút màu khác để ghi kết quả lần kiểm tra thứ hai, kẻ lại đường tuổi và biên ngày tháng kiểm tra lần sau ở phía bên trên của đường tuổi.

- Gặp trường hợp khả nghi hoặc bình thường trong một lần thực hiện Test thì nên tiến hành kiểm tra lại sau hai, ba tuần. Nếu lần kiểm tra sau vẫn thấy khả nghi không bình thường, nên gửi trẻ đi khám chuyên khoa.

- Có thể sử dụng nghiệm pháp này để theo dõi diễn biến bệnh tật của trẻ cũng như nhận định kết quả sau mỗi đợt điều trị.

NỘI DUNG CỦA TEST DENVER

I. CÁ NHÂN - XÃ HỘI

1. Nhìn mắt

- Đưa trẻ nằm ngửa. Người giám sát đưa mặt lại gần mặt trẻ, cách khoảng 30 cm.

- Ghi Đ (đúng) nếu trẻ đáp lại người giám sát hoặc thay đổi hoạt động một cách nào đó.

2. Cười đáp

- Trong lúc kiểm tra, trẻ mỉm cười với cha, mẹ hoặc người giám sát một cách thoải mái, không phải do kích thích nào khác.

- Ghi Đ nếu thấy trẻ cười, có thể căn cứ vào trả lời của cha, mẹ.

3. Mỉm cười hồn nhiên

- Có thể xuất hiện khá sớm ngay lúc mới được khoảng một tháng rưỡi tuổi.

- Ghi Đ nếu thấy có, có thể thông qua nhận xét của cha, mẹ.

4. Tự ăn bánh

- Hỏi xem trẻ có tự cầm bánh ăn không.

- Ghi Đ nếu có.

5. Giữ đồ chơi

- Đưa cho trẻ một thứ đồ chơi, trong lúc trẻ đang chơi ta thử tìm cách lấy lại đồ chơi đó.

- Ghi Đ nếu thấy trẻ giữ lại đồ chơi đó.

6. Chơi ú oà (ú tim)

- Chọc một lỗ thủng giữa phiếu kiểm tra. Khi trẻ đang nhìn người giám sát, dùng phiếu này tự che mặt rồi lại ló ra nhìn trẻ và nói ú oà, làm như vậy hai lần, sau đó nhìn qua lỗ phiếu kiểm tra xem trẻ có chú ý tìm kiếm mình không.

- Ghi Đ nếu có.

7. Vươn tới đồ chơi ngoài tầm tay

- Đặt một thứ đồ chơi trẻ ưa thích lên bàn hơi xa tầm với tay của trẻ một chút, không nên đặt quá xa làm cho trẻ lúng túng.

- Ghi Đ nếu thấy trẻ vươn thân hoặc vươn tay về phía đồ chơi, không nhất thiết phải nắm được đồ chơi.

8. Bẽn lẽn trước người lạ

- Chú ý xem trẻ có tỏ ra e thẹn hoặc bẽn lẽn khi mới nhìn thấy người giám sát lần đầu.

- Ghi Đ nếu có. Trường hợp không thấy rõ, nên hỏi cha, mẹ xem cách biểu lộ của trẻ khi gặp người lạ ra sao, không nên hỏi xem trẻ có biết sợ người lạ hay không, vì như vậy không đúng với tiết mục.

9. Vẫy tay (hoặc chào tạm biệt)

- Thử làm cho trẻ đưa tay vẫy hoặc lắc tay chào tạm biệt. Không nên chạm vào tay hoặc cánh tay của trẻ để giúp.

- Ghi Đ nếu có. Có thể thông qua tiết mục căn cứ vào nhận xét của cha, mẹ.

10. Chơi bóng với người giám sát

- Lăn quả bóng quần vợt về phía trẻ và ra hiệu cho trẻ ném bóng lại hoặc đá trả lại.

- Ghi Đ nếu trẻ lăn bóng lại về phía người giám sát. Nếu cầm bóng trao lại cho người giám sát là sai.

11. Biểu lộ ý muốn

- Hỏi cha, mẹ xem trẻ bày tỏ ý muốn như thế nào khi theo dõi thứ này, thứ khác, ví dụ : xin kính hay đồ chơi...

- Ghi Đ nếu trẻ chỉ tay, lôi kéo hoặc nói một từ. Nếu trẻ kêu la là sai.

12. Uống bằng chén

- Hỏi cha, mẹ xem trẻ có biết cầm cốc hoặc chén để uống mà không để rơi vãi quá nhiều không.

- Ghi Đ nếu trẻ làm được.

13. Cởi áo, tháo dép

- Hỏi cha, mẹ xem trẻ có biết cởi bỏ áo khoác, hoặc tháo bỏ tất, giày, dép không.

- Ghi Đ nếu trẻ làm được.

14. Bắt chước việc nhà

- Hỏi cha, mẹ xem trẻ có bắt chước một số công việc trong gia đình như : lau chùi, quét dọn v.v... không.

- Ghi Đ nếu trẻ bắt chước được bất cứ việc gì.

15. Dùng thìa ít để rơi vãi thức ăn

- Hỏi cha, mẹ xem trẻ có biết dùng thìa xúc ăn không.

- Ghi Đ nếu trẻ làm được mà không làm rơi vãi quá nhiều.

17. Mặc áo quần

- Hỏi cha, mẹ xem trẻ có biết mặc quần, áo của mình không, ví dụ : mặc áo lót, đi tất, giày, dép...

- Ghi Đ nếu trẻ mặc được quần áo của chính mình. Đi giày, dép không nhất thiết phải đúng phía chân, cũng như không cần buộc quai hoặc thắt dây. Nếu chỉ mặc được áo quần cỡ lớn là không được.

II. VẬN ĐỘNG TINH TẾ – THÍCH ỨNG

1. Nhìn tới đường giữa

- Đặt trẻ nằm ngửa (ở lứa tuổi này mặt trẻ có thể hơi quay về một bên) làm cho trẻ chú ý, rồi di chuyển từ từ túm len lên theo hình cánh cung, vượt đường giữa sang phía bên kia. Có thể thử lại ba lần. Chú ý xem động tác của đầu và mặt trẻ.

- Ghi Đ nếu trẻ nhìn theo túm len tới đường giữa, trẻ có thể chỉ đưa mắt theo hoặc có thể quay cả đầu nhìn theo.

2. Cử động đều tay, chân

- Trong lúc trẻ nằm ngửa hoặc đang được bế mà quan sát các động tác tay và chân của trẻ.

- Ghi Đ nếu trẻ vận động đều tứ chi. Nếu có một chi nào kém vận động là không được.

3. Nhìn qua đường giữa

- Đặt trẻ nằm ngửa, giơ túm len đỏ trước mặt trẻ cách khoảng 15 cm. Lay động túm len để làm cho trẻ chú ý, rồi di chuyển túm len theo hình cánh cung, vượt đường giữa sang phía bên kia. Có thể thử lại ba lần. Chú ý xem động tác của đầu và mặt trẻ.

- Ghi Đ nếu trẻ nhìn theo túm len vượt qua đường giữa bằng mắt hoặc quay theo cả đầu.

4. Nhìn theo 180°

- Đặt trẻ nằm ngửa, giơ túm len đỏ trước mặt trẻ khoảng 15 cm. Lay động túm len để làm cho trẻ chú ý, rồi di chuyển từ từ túm len theo hình vòng cung, vượt qua đường giữa sang phía bên kia. Có thể thử lại ba lần. Chú ý xem động tác của đầu và mắt trẻ.

- Ghi Đ nếu trẻ quay cả đầu và mặt cùng một lúc theo túm len từ bên này sang hẳn phía bên kia.

5. Chắp hai tay

- Nhìn xem trẻ có chắp cùng hai bàn tay ở vị trí đường giữa cơ thể hay không.

- Ghi Đ nếu trẻ chạm các ngón của hai bàn tay ở đường giữa. Nếu chỉ chạm được hai tay khi trẻ được bế và do đó hai tay bị ép lại là hồng.

6. Nắm quả lắc

- Đặt quả lắc chạm vào đầu các ngón tay của trẻ trong lúc cháu đang nằm ngửa trên bàn hoặc đang được bế.

- Ghi Đ nếu trẻ quơ nắm quả lắc trong vài giây.

7. Nhìn hạt lạc (nhỏ)

- Để cha, mẹ ẵm trẻ ngồi lòng sao cho trẻ đặt được bàn tay lên bàn. Để rơi trước mặt trẻ một hạt lạc ở cự ly trong tầm với trẻ. Nên có sự tương phản về màu sắc của mặt bàn với hạt lạc cho trẻ dễ nhìn thấy, ví dụ : có thể để hạt lạc rơi xuống một tờ giấy trắng trên mặt bàn. Chú ý quan sát xem trẻ có nhìn hạt lạc không.

- Ghi Đ nếu có. Nếu trẻ nhìn vào ngón tay hoặc bàn tay của người giám sát là hồng.

8. Với lấy đồ chơi

- Để trẻ ngồi trên đùi cha, mẹ sao cho có thể đặt hai tay lên bàn, khuỷu tay ngang mặt bàn. Đặt một thứ đồ chơi (ví dụ quả lắc) trong tầm với của trẻ và bảo trẻ nhặt lấy.

- Ghi Đ nếu trẻ đưa tay với lấy đồ chơi, trẻ không chạm vào đồ chơi hoặc nhặt lên cũng được.

9. Ngồi, tìm tùm len

- Trong lúc trẻ đang ngồi trên đùi cha, mẹ, giờ tùm len để cho trẻ chú ý tới. Trong khi trẻ nhìn tùm len, ta buông rơi tùm len khỏi tầm nhìn của trẻ mà không lay động tay và bàn tay.

- Ghi Đ nếu trẻ đưa mắt tìm tùm len.

10. Ngồi cầm 2 khối

- Đặt 2 khối lên bàn trước mặt trẻ, dùng động tác hoặc dùng lời bảo trẻ cầm lấy, nhưng không được trao tay cho trẻ.

- Ghi Đ nếu trẻ nhặt lên và mỗi tay cầm một khối đồng thời nếu không thấy trẻ làm, có thể hỏi thông qua cha, mẹ.

11. Cào lấy hạt lạc (nho)

- Để trẻ ngồi trên đùi cha, mẹ sao cho có thể đặt tay trên bàn. Để rơi trước mặt trẻ một hạt lạc ở trong tầm với của trẻ. Nên có sự tương phản về màu sắc của mặt bàn với hạt lạc cho trẻ dễ nhìn thấy, ví dụ : có thể để hạt lạc rơi xuống một tờ giấy trắng trên mặt bàn. Quan sát xem trẻ nhặt hạt lạc như thế nào.

- Ghi Đ nếu trẻ làm động tác cào tay để vồ lấy hạt lạc. Nếu trẻ kẹp ngón cái và ngón trỏ hoặc kẹp bằng đầu các ngón tay cũng coi là được.

12. Chuyển một khối từ tay này sang tay kia

- Xem trẻ có thể chuyển một khối từ tay này sang tay kia không. Có thể đưa cho trẻ một khối rồi lại đưa một khối nữa vào tay đang cầm.

- Ghi Đ nếu trẻ làm được như trên mà không cần dùng miệng, thân người hoặc bàn. Chú ý : không nên tiến hành tiết mục này với các vật dụng có cán như quả lắc hoặc chiếc thìa...

13. Hai tay đập hai khối vào nhau

- Cho trẻ cầm trong mỗi bàn tay một khối rồi xem trẻ có tự đập hai khối đó vào nhau không. Có thể làm cho trẻ trông thấy nhưng không được chạm vào tay trẻ hoặc làm hộ trẻ.

- Ghi Đ nếu trẻ làm được, có thể thông qua cha, mẹ xem trẻ có đập các khối đồ chơi vào nhau như thế không.

14. Kẹp ngón cái và ngón tay khác

- Để trẻ ngồi trên đùi cha, mẹ sao cho bàn tay cháu có thể đặt trên bàn, để rơi một hạt lạc xuống bàn, ở cự li trẻ dễ với tới. Nên có sự tương phản về màu sắc của bàn và hạt lạc để trẻ dễ nhìn thấy, ví dụ : để hạt lạc rơi xuống một tờ giấy trắng trên mặt bàn. Ta chỉ tay chạm vào hạt lạc để làm cho trẻ chú ý tới. Quan sát xem trẻ nhặt hạt lạc lên như thế nào.

- Ghi Đ nếu trẻ dùng bất kỳ phần nào của ngón cái và ngón khác trong cùng bàn tay để kẹp lấy hạt lạc. Nếu trẻ dùng đầu ngón tay cái và đầu ngón trỏ để kẹp cũng được.

15. Kẹp bằng đầu ngón tay

- Để trẻ ngồi lên đùi cha, mẹ sao cho tay cháu có thể đặt lên bàn. Để rơi trước mặt trẻ một hạt lạc trong tầm tay của trẻ (nên tạo sự tương phản giữa mặt bàn và hạt lạc). Chỉ tay chạm vào

hạt lạc để trẻ chú ý. Quan sát xem trẻ nhặt hạt lạc lên như thế nào.

- Ghi Đ nếu trẻ đưa tay, dùng đầu ngón cái và đầu ngón trỏ trong cùng bàn tay để kẹp hạt lạc.

16. Vẽ nguệch ngoạc

- Đặt một tờ giấy và một chiếc bút chì trên bàn trước mặt trẻ sao cho trẻ dễ với lấy. Cũng có thể đặt bút chì vào tay trẻ.

- Ghi Đ nếu trẻ có thể vạch 2 – 3 nét trên tờ giấy.

17. Tháp 2 tầng

- Đặt các khối vuông lên bàn trước mặt trẻ, người giám sát động viên trẻ xếp chồng khối nọ lên khối kia bằng cách làm mẫu hoặc trao khối cho trẻ. Trẻ được thử làm 3 lần.

- Ghi Đ nếu trẻ làm được (đặt khối nọ lên khối kia mà không đổ).

18. Tháp 4 tầng

- Đặt các khối vuông lên bàn trước mặt trẻ, người giám sát động viên trẻ xếp chồng khối nọ lên khối kia bằng cách làm mẫu hoặc trao khối cho trẻ. Trẻ được thử làm 3 lần.

- Ghi Đ nếu trẻ làm được (đặt 4 khối lên nhau mà không đổ).

19. Tháp 8 tầng

- Đặt các khối vuông lên bàn trước mặt trẻ, người giám sát động viên trẻ xếp chồng khối nọ lên khối kia bằng cách làm mẫu hoặc trao khối cho trẻ. Trẻ được thử làm 3 lần.

- Ghi Đ nếu trẻ làm được (đặt 8 khối lên nhau mà không đổ).

20. Bắt chước kẻ dọc

- Bế trẻ ngồi gần bàn sao cho tiện tay viết. Đặt giấy và bút chì trước mặt trẻ và bảo cháu vẽ giống như người giám sát. Người giám sát vẽ một đường kẻ dọc, thẳng từ trên xuống dưới (cho trẻ trông thấy cách vẽ và không cầm tay trẻ).

- Ghi Đ nếu trẻ kẻ được một đường hoặc nhiều đường trên giấy, mỗi đường dài độ 2 cm và không chệch quá 30° , đường kẻ dọc không nhất thiết phải thật thẳng.

21. Dốc hạt ra khỏi lọ

- Cho 2 hạt lạc (nho, ngô...) vào lọ và bảo trẻ dốc hạt đó ra khỏi lọ.

- Ghi Đ nếu trẻ làm được mà không cần làm mẫu.

22. Dốc hạt ra khỏi lọ, được làm mẫu

- Cho một hạt lạc (nho, ngô...) vào lọ và bảo trẻ dốc hạt đó ra khỏi lọ. Trước hết xem trẻ tự phát lấy hạt ra, nếu trẻ không làm được, ta sẽ làm mẫu 2 hoặc 3 lần cho trẻ xem.

- Ghi Đ nếu trẻ tự làm được, làm theo hướng dẫn. Nếu trẻ đổ hạt vào miệng hoặc thò ngón tay vào lọ cời hạt ra là không được.

23. Bắt chước xếp cầu

- Bảo trẻ chú ý theo dõi cách người giám sát xếp cầu, đặt 2 khối vuông cách nhau một khoảng nhỏ hơn cạnh của mỗi khối. Đặt lên 2 khối một khối thứ ba. Sau đó, đưa cho trẻ 3 khối khác và bảo trẻ xếp như mẫu. Không nên nói cách bắt đầu làm như thế nào mà chỉ bảo trẻ theo dõi.

- Ghi Đ nếu trẻ làm đúng, nếu 2 khối bên dưới xếp sát nhau, ta sẽ hỏi "Cầu của cháu có giống như cầu của cô (chú, bác...) không?" và để trẻ tự sửa lại.

24. Chỉ đường kẻ dài hơn

- Cho trẻ xem hình vẽ 2 đường kẻ song song, một đường dài hơn đường kia. Để tờ giấy có hình vẽ cho đúng dọc theo đường kẻ rồi hỏi trẻ "Đường kẻ nào dài hơn?" (không nên hỏi đường kẻ nào lớn hơn). Sau khi trẻ đã chỉ, ta quay tờ giấy theo chiều phía trên xuống dưới và hỏi lại, thực hiện ít nhất 3 lần.

- Ghi Đ nếu trẻ chỉ đúng cả 3 lần. Nếu trả lời sai, có thể thử lại 3 lần nữa, ghi Đ nếu trẻ trả lời đúng 5 – 6 lần.

25. Vẽ vòng tròn theo mẫu

- Cho trẻ xem hình vẽ vòng tròn. Chú ý không nên gọi tên vòng tròn và cũng không cho trẻ thấy cách vẽ. Bảo trẻ vẽ lại vòng tròn theo mẫu.

- Ghi Đ nếu trẻ vẽ được. Hình vẽ của trẻ có thể hình bầu dục nhưng không phải là hình xoắn tròn hoặc vòng tròn không khép kín.

26. Vẽ hình vuông theo mẫu (được hướng dẫn)

- Cho trẻ xem hình mẫu, không gọi tên hình vuông và không cho thấy cách vẽ. Bảo trẻ vẽ lại theo mẫu.

- Ghi Đ nếu trẻ vẽ được mà không cần hướng dẫn cách vẽ. Nếu trẻ không làm được, ta sẽ làm mẫu cho trẻ bằng cách kẻ 2 cạnh đối diện song song và vẽ tiếp hai cạnh đối còn lại. Không nên vẽ hình vuông 1 nét vì trẻ có thể nhầm với động tác vẽ hình tròn. Hình phải có 4 góc, nếu là góc hơi tròn hoặc hơi nhọn là sai.

27. Vẽ hình chữ thập theo mẫu

- Cho trẻ xem hình mẫu, chú ý không gọi tên hình chữ thập và không nên cho trẻ thấy cách vẽ. Bảo trẻ vẽ lại theo mẫu.

- Ghi Đ nếu trẻ vẽ được 2 đường thẳng cắt nhau ở bất cứ vị trí nào, đường vẽ không nhất thiết phải thật thẳng, các đường không cắt nhau là sai.

28. Vẽ hình người (có 3 bộ phận)

- Đưa cho trẻ bút chì và giấy rồi bảo trẻ vẽ hình một bạn trai hoặc bạn gái. Khi trẻ vẽ, người giám sát không được nhắc trẻ, khi trẻ vẽ xong thì bắt đầu ghi điểm.

- Ghi Đ nếu trẻ vẽ được hình người có từ 3 bộ phận trở lên. Bộ phận nào có một (cổ, đầu, thân...) tính là một, bộ phận nào có đôi (mắt, tai...) mà vẽ đủ thì cũng tính là 1, và không tính bộ phận nào có đôi nhưng chỉ vẽ được 1.

29. Vẽ hình vuông theo mẫu (không được hướng dẫn)

- Cho trẻ xem hình vuông mẫu, chú ý không gọi tên hình vuông và không nên cho trẻ thấy cách vẽ. Bảo trẻ vẽ lại theo mẫu.

- Ghi Đ nếu trẻ vẽ được hình vuông mà không cần phải hướng dẫn. Nếu hình có góc tròn và nhọn là sai.

30. Vẽ hình người (có 6 bộ phận)

- Đưa cho trẻ bút chì và giấy rồi bảo trẻ vẽ hình một bạn trai hoặc bạn gái. Khi trẻ vẽ, người giám sát không được nhắc trẻ, khi trẻ vẽ xong thì bắt đầu ghi điểm.

- Ghi Đ nếu trẻ vẽ được hình người có từ 6 bộ phận trở lên. Bộ phận nào có một (cổ, đầu, thân...) tính là một, bộ phận nào có đôi (mắt, tai...) mà vẽ đủ thì cũng tính là 1, và không tính bộ phận nào có đôi nhưng chỉ vẽ được 1.

III. NGÔN NGỮ

1. Phản ứng nghe chuông

- Đặt chuông ở phía bên hoặc gần sau tai trẻ và không để cho trẻ nhìn thấy chuông. Ta lắc nhẹ chuông và quan sát trẻ.

- Ghi Đ nếu trẻ có bất cứ động tác nào tỏ ra có phản ứng khi nghe thấy chuông (động tác mắt, đầu, cổ...).

2. Phát âm không phải là khóc

- Trong khi thực hiện Test, ta để ý lắng nghe xem trẻ có phát âm ra tiếng không phải là khóc không.

- Ghi Đ nếu có. Có thể hỏi thêm cha, mẹ trẻ.

3. Cười thành tiếng

- Trong khi thực hiện Test, ta để ý lắng nghe xem trẻ có cười thành tiếng không.

- Ghi Đ nếu có. Có thể hỏi thêm cha, mẹ trẻ.

4. Kêu la

- Trong khi thực hiện Test, ta để ý lắng nghe xem trẻ có kêu la thành tiếng to không.

- Ghi Đ nếu có. Có thể hỏi thêm cha, mẹ trẻ.

5. Hướng theo tiếng nói

- Trong lúc trẻ đang ngồi quay mặt về phía cha, mẹ, ta lại gần, cách tai trẻ 20 cm và thì thầm gọi tên trẻ nhiều lần. Cần chú ý đừng để hơi thở mạnh. Có thể thử lại ba lần.

- Ghi Đ nếu thấy trẻ quay đầu hướng về phía tiếng gọi.

6. Nói "ba ba" hoặc "ma ma" không đặc hiệu

- Trong khi thực hiện Test, thử xem trẻ có phát âm "ba ba" hoặc "ma ma" lúc nào không.

- Ghi Đ nếu trẻ phát âm được mà không nhất thiết phải có liên hệ giữa các âm đó với cha mẹ của trẻ. Có thể cho thông qua theo nhận xét của cha, mẹ cháu.

7. Bắt chước âm nói

- Thử xem trẻ có bắt chước các âm thanh do cha, mẹ cháu hoặc người giám sát nói không.

- Ghi Đ nếu thấy trẻ làm được. Có thể thông qua theo nhận xét của cha, mẹ.

8. Gọi được "bố" hoặc "mẹ" hoặc "bà"

- Trong khi thực hiện Test, thử xem trẻ có gọi đúng được bố, mẹ (hoặc bà) của cháu bằng các từ "bố" hoặc "mẹ" hoặc "bà" không.

- Ghi Đ nếu trẻ dùng đúng từ gọi bố, mẹ hoặc bà của cháu. Có thể hỏi thông qua cha, mẹ trẻ.

9. Nói được 3 từ đơn, ngoài các từ "bố" và "mẹ"

- Hỏi cha mẹ trẻ xem trẻ thường xuyên dùng các từ nào để chỉ các đồ vật, con người, hành động.

- Ghi Đ nếu cha, mẹ trẻ cho biết cháu dùng được 3 từ khác ngoài các từ "bố" và "mẹ". Các từ trẻ nói lên nhất thiết phải phản ánh một ý nghĩa nào đó mỗi khi trẻ nhắc tới.

10. Câu 2 từ

- Thử xem trẻ có biết kết hợp 2 hoặc nhiều từ khác nhau để tạo thành một câu có ý nghĩa không.

- Ghi Đ nếu trẻ nói được một câu có ý nghĩa với 2 từ hoặc nhiều hơn : "đá bóng", "ăn bánh"... Không được tính câu 2 từ chỉ phản ánh một ý : "tạm biệt", "hoan hô"... Có thể hỏi qua cha, mẹ trẻ.

11. Chỉ được bộ phận cơ thể của bản thân

- Bảo trẻ chỉ cho ta xem mắt, mũi, tay, tóc... của cháu.
- Ghi Đ nếu trẻ chỉ đúng được một bộ phận cơ thể của cháu.
Có thể hỏi thông qua cha, mẹ.

12. Gọi được tên hình vẽ trong tranh

- Cho trẻ xem tranh vẽ một hình người, một con ngựa, một con chim, một con chó và một con mèo, mỗi lần ta đưa một hình khác nhau rồi hỏi trẻ.

- Ghi Đ nếu trẻ gọi đúng tên một hình. Nếu trẻ dùng tiếng kêu : "meo meo", "gâu gâu" là không được.

13. Theo đúng hướng

- Người giám sát dẫn cha, mẹ trẻ ngồi yên tại chỗ. Ta đưa cho trẻ một khối vuông, rồi bảo trẻ lần lượt như sau :

"Đưa cho mẹ đi".

"Đặt lên bàn kia".

"Để xuống đất này".

Cả người giám sát và cha, mẹ của trẻ đều phải chú ý không được giúp trẻ bằng cách chỉ tay hoặc nhìn về phía người, bàn hoặc nhìn xuống đất.

- Ghi Đ nếu trẻ theo đúng 2 hướng trên tổng số 3 hướng.

14. Dùng từ ở số nhiều

- Đặt 3 khối vuông lên bàn (hoặc 3 cái thìa, 3 quả bóng, 3 cái chén, 3 cái kéo, 3 chiếc bút chì...) trước mặt trẻ rồi hỏi : "Những cái gì đây".

- Ghi Đ nếu trẻ biết phân biệt một đồ vật với nhiều đồ vật, trẻ có thể dùng các từ để phản ánh số nhiều như : "các", "những", hoặc các từ chỉ số : "ba", "bốn"...

15. Nói được tên và họ

- Hỏi trẻ "Tên cháu là gì?" Nếu trẻ chỉ nói tên, ta sẽ hỏi thêm "Cháu họ gì?".

- Ghi Đ nếu trẻ trả lời đầy đủ. Trẻ có thể nói tên thường gọi ở nhà (tí, bi, bé...). Có thể hỏi thông qua cha, mẹ trẻ.

16. Hiểu được rét, mệt, đói

- Hỏi trẻ các câu sau :

"Khi mệt cháu làm gì?" (đi nằm, ngồi xuống, nghỉ...).

"Khi rét cháu làm gì?" (mặc áo, quàng khăn, đắp chăn...).

"Khi đói cháu làm gì?" (ăn cơm, xin mẹ cho ăn,...).

- Ghi Đ nếu trẻ trả lời được 2 câu hợp lí. Đối với câu hỏi làm gì khi rét, nếu cháu trả lời là "cháu bị ho", "cháu phải khám bệnh", "cháu cảm", "cháu bị tiêm thuốc"... là không được.

17. Hiểu giới từ

- Ta dẫn cha, mẹ của trẻ ngồi yên tại chỗ, đưa cho trẻ một khối vuông rồi bảo cháu lần lượt như sau :

"Cháu để lên trên bàn kia đi".

"Cháu để xuống dưới gầm bàn đi".

"Cháu để phía trước ghế của mẹ cháu đi".

"Cháu để phía sau ghế của mẹ cháu đi".

- Ghi Đ nếu trẻ để theo đúng 3 câu, chú ý không nhắc gì cả nếu thấy trẻ chưa theo đúng hướng và tiếp tục chuyển sang câu khác.

18. Nhận biết màu sắc

- Đặt 4 khối vuông có 4 màu khác nhau trên bàn trước mặt trẻ. Ta bảo trẻ chỉ hoặc đưa cho ta các khối màu khác nhau. Nếu trẻ trao tay khối vuông cho người giám sát thì người giám sát trả lại khối đó trên bàn trước khi hỏi màu tiếp theo. Không nên cho trẻ biết câu trả lời cũng như không bảo trẻ gọi tên các màu.

- Ghi Đ nếu trẻ để theo đúng 3 câu, có thể hỏi qua cha, mẹ của trẻ.

19. Hiểu được đối lập, tương tự

- Hỏi trẻ các câu sau đây, mỗi lần một câu và có thể nhắc lại mỗi câu 3 lần nếu cần :

Nước sôi thì nóng, nước đá thì... ? (lạnh, buốt...).

Mẹ là phụ nữ (đàn bà), bố là... ? (nam giới, đàn ông)

Con ngựa thì to, con chuột thì... ?(nhỏ, bé...).

- Ghi Đ nếu trẻ trả lời đúng 2 câu.

20. Định nghĩa từ

- Hỏi trẻ lần lượt các câu sau đây mỗi lần một câu và có thể nhắc lại mỗi câu 3 lần nếu cần. Chờ trẻ trả lời xong một câu rồi mới hỏi câu khác :

"Quả bóng là cái gì?", "Cái hồ (ao)?", "Cái bàn làm việc?", "Cái nhà thế nào?", "Quả chuối là gì?", "Cái rèm cửa (màn)?", "Cái trần nhà (nóc nhà)?", "Hàng rào?", "Vĩa hè (bờ ruộng)?".

- Ghi Đ nếu trẻ để theo đúng 6 trong số 9 từ theo cách nói lên (1) tác dụng, (2) kích thước, (3) làm bằng gì hoặc (4) thuộc loại gì. Ví dụ : chuối là một loại trái cây...

21. Biết cấu tạo đồ vật

- Hỏi trẻ lần lượt các câu sau đây mỗi lần một câu và có thể nhắc lại mỗi câu 3 lần nếu cần. Chờ trẻ trả lời xong một câu rồi mới hỏi câu khác :

"Cái thìa làm bằng gì?", "Đôi giày (dép, guốc) làm bằng gì?", "Cánh cửa làm bằng gì?".

- Ghi Đ nếu trẻ để trả lời đúng cả 3 câu, ví dụ : cái thìa làm bằng kim loại (nhựa, sứ, nhôm...). Đôi giày làm bằng da (nhựa, cao su...), cánh cửa làm bằng gỗ (sắt, tre...).

IV. VẬN ĐỘNG THÔ SƠ

1. Ngắt đầu

- Đặt trẻ nằm sấp trên một mặt phẳng.

- Ghi Đ nếu thấy trẻ có thể ngắt đầu lên trong chốc lát mà không tỳ cằm xuống bàn và cũng không cần phải nghiêng người.

2. Nâng đầu lên 45°

- Đặt trẻ nằm sấp trên một mặt phẳng.

- Ghi Đ nếu thấy trẻ có thể ngắt đầu lên tới mức tạo được một góc 45° giữa mặt trẻ và mặt bàn.

3. Nâng đầu lên 90°

- Đặt trẻ nằm sấp trên một mặt phẳng.
- Ghi Đ nếu thấy trẻ có thể nâng đầu lên tới mức tạo được một góc 90° giữa mặt trẻ và mặt bàn.

4. Chống tay, ưỡn ngực

- Đặt trẻ nằm sấp trên một mặt phẳng.
- Ghi Đ nếu thấy trẻ có thể nâng cao đầu và ngực bằng cách chống tay, hoặc tì trên cẳng tay, ở tư thế có thể đưa mắt nhìn thẳng phía trước.

5. Ngồi giữ vững đầu

- Giữ cho trẻ ở tư thế ngồi.
- Ghi Đ nếu thấy trẻ giữ vững đầu, đầu không bị lắc lư. Nếu trẻ chỉ giữ vững được vài giây rồi gục xuống ngực hoặc ngoẹo sang bên là hỏng.

6. Lật (lật)

- Người giám sát nhìn thấy được hoặc hỏi cha, mẹ trẻ xem trẻ có lật được người từ nằm ngửa sang sấp hoặc ngược lại không.
- Ghi Đ nếu trẻ thực hiện được như vậy ít nhất 2 lần.

7. Kéo ngồi lên, đầu không trễ

- Đặt trẻ ở tư thế ngửa, nắm tay trẻ rồi nhẹ nhàng kéo trẻ chuyển sang tư thế ngồi, chú ý không kéo quá nhanh, mạnh khiến cho đầu trẻ có thể bị ngửa thông ra sau.
- Ghi Đ nếu trẻ không bị trễ đầu khi kéo.

8. Chũng bước

- Giữ trẻ đứng thẳng, bàn chân của trẻ đặt trên mặt bàn, nhẹ nhàng từ từ rời tay giữ trẻ (không nên bỏ hoàn toàn thân trẻ).

- Ghi Đ nếu trẻ giữ được thân mình trên đôi chân, nếu đôi chân của trẻ trở nên cứng rắn để giữ được thân, ta vẫn có thể cho thông qua tiết mục này, nhưng cần ghi chú vào phiếu kiểm tra là chân trẻ bị cứng.

9. Ngồi không cần đỡ

- Giữ trẻ ở tư thế ngồi trên bàn rồi từ từ bỏ tay đỡ.

- Ghi Đ nếu trẻ ngồi được một mình trong 5 giây hoặc lâu hơn. Trẻ có thể chống bàn tay lên đùi hoặc mặt bàn.

10. Đứng vịn

- Đặt trẻ ở tư thế đứng vịn tay vào một vật vững chắc, nhưng không được vịn vào một người khác.

- Ghi Đ nếu trẻ đứng được như vậy trong 5 giây hoặc lâu hơn, có thể hỏi thông qua bố, mẹ.

11. Vịn đứng dậy

- Quan sát hoặc hỏi cha, mẹ xem trẻ có thể tự đứng dậy bằng cách vịn vào vật vững chắc (thành giường, chân bàn...) không.

- Ghi Đ nếu trẻ làm được.

12. Tự ngồi lên

- Quan sát hoặc hỏi cha, mẹ xem trẻ có thể tự ngồi dậy được không.

- Ghi Đ nếu trẻ làm được.

13. Đi vịn vào đồ đạc

- Quan sát hoặc hỏi cha, mẹ xem trẻ có thể vịn vào các đồ vật xung quanh để đi được không.

- Ghi Đ nếu trẻ làm được.

14. Đứng được giây lát

- Đặt trẻ ở tư thế đứng trên sàn nhà. Sau khi trẻ giữ được thăng bằng, ta nhẹ nhàng rời tay đỡ trẻ.

- Ghi Đ nếu trẻ đứng được một mình trong 2 giây hoặc lâu hơn. Có thể thông qua cha, mẹ của trẻ.

15. Đứng vững một mình

- Đặt trẻ ở tư thế đứng trên sàn nhà. Sau khi trẻ giữ được thăng bằng, ta nhẹ nhàng rời tay đỡ trẻ.

- Ghi Đ nếu trẻ đứng được một mình trong 10 giây hoặc lâu hơn. Có thể thông qua cha, mẹ của trẻ.

16. Cúi người xuống rồi đứng thẳng lại

- Trong lúc trẻ đang đứng trên sàn không tựa vào đâu cả, ta đặt một đồ chơi trên sàn trước mặt và dưới chân trẻ rồi bảo trẻ nhặt đồ chơi lên.

- Ghi Đ nếu trẻ có thể cúi người xuống, nhặt đồ chơi rồi đứng thẳng người lại như trước mà không cần phải chống tay xuống sàn. Có thể hỏi cha, mẹ trẻ.

17. Đi vững

- Xem trẻ đi ra sao và có giữ được thăng bằng, ít bị ngã hay không.

- Ghi Đ nếu thấy trẻ đi được dễ dàng và không ngã nghiêng. Có thể hỏi cha, mẹ trẻ.

18. Đi giật lùi

- Bảo trẻ đi giật lùi, cũng có thể hướng dẫn trẻ cách đi như vậy.

- Ghi Đ nếu thấy trẻ đi được 2 hoặc hơn 2 bước. Có thể hỏi cha, mẹ trẻ (đặc biệt là khi trẻ kéo đồ chơi).

19. Bước lên bậc

- Hỏi cha, mẹ trẻ xem cháu bước lên bậc như thế nào.

- Ghi Đ nếu trẻ bước lên bậc được (không bò trườn), trẻ có thể vịn vào tường nhưng không được níu vào người khác.

20. Đá bóng về phía trước

- Đặt quả bóng quần vợt dưới đất, cách chỗ trẻ đứng khoảng 15 cm, rồi bảo trẻ đá quả bóng đó (có thể hướng dẫn cách đá bóng về phía trước mặt).

- Ghi Đ nếu trẻ làm được, mà không cần vịn vào đâu cả. Có thể hỏi cha, mẹ trẻ. Nếu trẻ phải vịn là không được.

21. Ném bóng cao tay

- Bảo trẻ đưa cao tay, ném quả bóng về phía người giám sát. Ta có thể hướng dẫn cách ném cho trẻ.

- Ghi Đ nếu trẻ làm được, trẻ đứng cách người giám sát khoảng 1m và ném bóng cao hơn đầu gối người giám sát. Không

30. Bắt bóng nảy

- Đứng cách trẻ khoảng 1 m và ném bóng về phía trẻ bằng cách làm cho bóng chạm đất ở đoạn giữa hai người và khi tới trẻ, bóng bay ngang tầm với của trẻ (giữa cổ và thân). Bảo trẻ biết cách bắt bóng. Cho trẻ thử 3 lần.

- Ghi Đ nếu trẻ bắt được bóng (dùng một hoặc hai tay), và đạt được 2 trong 3 lần thử. Trẻ có thể nắm bắt được bóng bằng cách dùng tay ôm bóng tỳ vào ngực, nếu trẻ phải dùng cả hai cánh tay để ôm bắt bóng là không được.

31. Đi nổi gót giật lùi

- Hướng dẫn cho trẻ đi nổi gót giật lùi bằng cách đặt đầu bàn chân này nổi gót bàn chân kia. Đi như vậy độ 8 bước, rồi bảo trẻ làm như vậy. Có thể so sánh lối này giống như lối đi trên dây. Phải cho trẻ đi 3 lần.

- Ghi Đ nếu trẻ đi được 4 bước hoặc hơn theo một đường thẳng, gót chân nọ cách đầu ngón chân kia 2 cm. Trẻ cần đạt được 2 lần qua 3 lần thử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Đoàn - *Trẻ chậm khôn*, 1993. NXB Giáo dục.
2. Paule Aimard (Phạm Đoàn dịch) – *Tâm lí bệnh trẻ em*, tập I, II, 1995. NXB Thế giới.
3. Nguyễn Thị Nhất - *Tuổi mầm non tâm lí giáo dục*, 1990. Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Khắc Viện – *Bài giảng tâm lí*, tập 1 – 7, 1990. NXB Kim Đồng.
5. Nguyễn Khắc Viện – *Từ điển tâm lí*, 1995. NXB Thế giới.
6. Trung tâm "NT" – *Tâm lí bệnh trẻ em*, 1992. NXB Y học.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (04) 9715011; (04) 9724770. Fax: (04) 9714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc:

PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập:

NGUYỄN BÁ THÀNH

Biên tập và sửa bài:

ĐỖ MẠNH CƯỜNG

NGUYỄN THANH HÀ

Trình bày bìa:

NGỌC ANH

TÂM BỆNH HỌC

Mã số: 2K- 34 ĐH2007

In 1000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm tại Nhà in Đại học Quốc gia Hà Nội

Số xuất bản: 812 - 2007/CXB/27 - 123/ĐHQGHN, ngày 04/10/2007

Quyết định xuất bản số: 593 KH/XB

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2007.